



Bài báo nghiên cứu

GIÁO DỤC NHÂN VĂN: LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN

Nguyễn Quang Giải

Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Quang Giải – Email: nguyenquanggiai@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 14-5-2019; ngày nhận bài sửa: 19-7-2019; ngày duyệt đăng: 26-01-2021

TÓM TẮT

Bài viết trình bày và thảo luận một số vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục theo hướng tiếp cận lý thuyết giáo dục nhân văn (GDNV). Nghiên cứu được thực hiện dựa vào nguồn dữ liệu thứ cấp kết hợp cùng sự quan sát của tác giả từ thực tiễn dạy học đại học. Kết quả nghiên cứu đã phát hiện và làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về GDNV – mở ra cách tiếp cận mới, toàn diện, hiệu quả trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo con người. Cụ thể, GDNV bắt nguồn từ nhận thức luận của hiện tượng học với mục tiêu vì sự phát triển toàn diện của người học; GDNV lấy người học làm trung tâm – “trao quyền”, kì vọng, đề cao hệ giá trị con người; GDNV là một trong những phương thức và con đường nhằm phát triển nhu cầu nhận thức của người học – một trong bốn nhu cầu bậc cao của con người.

Từ khóa: phát triển toàn diện; con người; giáo dục nhân văn

1. Dẫn nhập

Giáo dục nói chung và GDNV nói riêng luôn là vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội, đặc biệt đối với các nhà nghiên cứu, quản lý giáo dục. GDNV dựa vào triết lý giáo dục vì sự phát triển con người và bền vững xã hội. GDNV bắt nguồn từ tư tưởng nhân văn, là chủ đề phổ biến của giáo dục đại học. GDNV định hướng tôn trọng quyền con người, phát triển tư duy và hành động theo các giá trị cao quý và chuẩn mực nhân đạo (Firdaus & Mariyat, 2017). Vì vậy, bản chất GDNV là một quá trình nhân bản hóa (nhân hóa), là cơ sở hình thành nhân cách con người. GDNV là phương pháp học tập tốt cần được phát triển, đặc biệt đối với Việt Nam đang trong quá trình đổi mới, cải cách giáo dục – đào tạo lấy người học làm trung tâm; giáo dục theo triết lý phát triển toàn diện con người. Điều này được phản ánh rõ trong bốn trụ cột của một nền giáo dục hoàn chỉnh phải kết hợp tất cả học để biết, để làm, để tồn tại và để sống cùng nhau (Delors, 1996). Hiện nay, các nghiên cứu về GDNV vẫn chưa nhiều. Do vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu về GDNV trong bối cảnh đổi mới, cải cách giáo dục hiện nay có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp phần giáo dục và phát triển con người một cách toàn diện.

Cite this article as: Nguyen Quang Giai (2021). Humanistic education: Theory and practice. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(1), 137-144.

2. Giáo dục nhân văn: Lí luận và ứng dụng

2.1. Khái niệm, cách tiếp cận và phương pháp

- **Khái niệm**

Giáo dục nhân văn (humanistic education) hiện được hiểu theo nhiều cách khác nhau, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi nêu ra một số quan niệm tiêu biểu. Theo Valett, Robert E (1977), GDNV là một quá trình nhằm giúp con người phát triển tiềm năng của chính mình. Tài liệu K12 Academics ghi nhận GDNV là một cách tiếp cận toàn diện nhằm thu hút và phát triển các năng lực và phẩm chất con người: trí tuệ, cảm nhận cuộc sống, năng lực xã hội, kỹ năng nghệ thuật - tất cả nhằm tạo tiền đề quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển (K12 Academics, 2019). Dù được quan niệm khác nhau, nhưng thuật ngữ GDNV đều thống nhất ít nhất ở các nội dung: GDNV còn được gọi là giáo dục lấy con người làm trung tâm (the person centered approach) nhằm hai mục tiêu chính; 1) phát triển phẩm cách cá nhân của những tác nhân liên quan đến quá trình dạy – học. Thông qua quá trình dạy và học, phẩm cách của người học, người dạy; phụ huynh, nhân viên nhà trường... được cải thiện; 2) hiệu quả giáo dục. Tức là tính đến việc đo lường chất lượng công việc của nhà giáo dục trong việc cải thiện học tập đối với người học.

- **Cách tiếp cận**

Tiếp cận nhân văn trong dạy học được khởi xướng bởi ý tưởng của các học giả Erickson, Roger và Maslow (Khatib et. al, 2013). Với hai mục tiêu mà GDNV hướng đến, tiếp cận GDNV không chỉ vượt ra khỏi sự hạn định chỉ hai đối tượng người dạy và người học mà còn nhấn mạnh vào việc có thể lượng hóa, kiểm tra và điều chỉnh được hiệu quả giáo dục - thông qua thành tích học thuật; sự hài lòng, hạnh phúc của các bên tham gia vào quá trình giáo dục. Bên cạnh đó, giáo dục theo cách tiếp cận này nhằm phát triển toàn diện những nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả giáo dục để “vòng tròn sinh thái hệ thống” của quá trình dạy học được can thiệp và phát triển tối ưu nhất có thể.

Dưới góc độ tiếp cận giáo dục tích cực, GDNV có thể được nhận diện dựa vào một số đặc điểm sau:

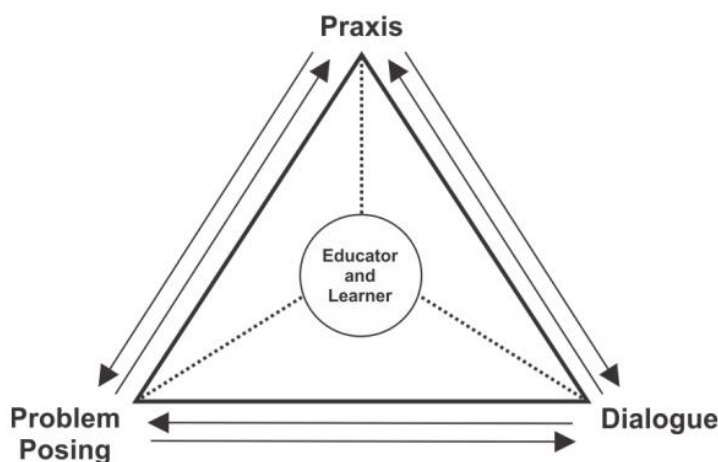
- Nhấn mạnh sự quan trọng của hiệu quả giáo dục của các tác nhân liên quan.
- Giúp con người phát hiện những phẩm chất tốt đẹp; hoàn thiện, phát triển bản thân; tạo sự kết nối với cộng đồng. Giúp họ tìm ra ý nghĩa trong những mối quan hệ đó.
- Có các chương trình can thiệp toàn diện lên cá nhân ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục trong nhà trường giúp họ vừa phát triển các phẩm chất cá nhân, vừa đóng góp để cải thiện hiệu quả giáo dục trong nhà trường.
- Được xây dựng bởi sự tham gia của tất cả những yếu tố góp phần ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục của nhà trường. Thúc đẩy bầu không khí hợp tác/đồng cảm giữa các tác nhân.

Phương pháp tiếp cận nhân văn nhấn mạnh tầm quan trọng của thế giới nội tâm của người học và đặt tư duy cá nhân, cảm xúc và cảm xúc đi đầu trong tất cả sự phát triển của con người.

- **Phương pháp**

Phương pháp tiếp cận trong GDNV nhằm nỗ lực phát triển và tối ưu hóa năng lực của các bên liên quan trong đó người học đóng vai trò trung tâm, là chủ thể trong quá trình học tập. Phương pháp này đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của thế giới nội tâm của người học và đặt tư duy cá nhân, cảm xúc đi đầu trong tất cả sự phát triển của con người. Theo đó cần xác định cách thức nào là tốt nhất để làm việc cùng nhau, giải quyết các vấn đề chính trong quá trình học tập. Các phương pháp được sử dụng trong GDNV theo Paulo Freire, xoay quanh ba nội dung chính: *đặt vấn đề, đối thoại, và thực hành* (Firdaus & Mariyat, 2017, p.41).

Đặt vấn đề là giai đoạn ban đầu được thực hiện bởi các nhà giáo dục và người học để xác định các vấn đề gặp phải trong thực tế và hướng cần giải quyết. Sau khi vấn đề đã được xác định, được đặt ra, thì quá trình đối thoại, trao đổi, thảo luận, phản biện của người dạy và học được diễn ra; và sau cùng là họ cùng tìm ra cách thực hiện, giải quyết, hành động cho vấn đề đã (được) đặt ra. Như vậy, về phương pháp sư phạm thì đây là phép biện chứng giữa lí thuyết và thực hành. Có lí thuyết mà không có thực hành sẽ chỉ là suy nghĩ trừu tượng, giống như thực hành mà không có lí thuyết sẽ bị giảm xuống thành hành động ngẫu thờ (Sơ đồ 1).



Sơ đồ 1. Phương pháp GDNV

Nguồn: (Firdaus, & Mariyat, 2017, p.41)

2.2. Chức năng, giá trị và nguyên tắc

- **Chức năng của người dạy và người học**

Đối với GDNV, chức năng của giáo viên sẽ là: Thứ nhất, giáo viên là người phát triển trí tuệ, nắm vững kiến thức và khả năng tư duy; thứ hai, là một huấn luyện viên, đóng vai trò

về phát triển kỹ năng; kỹ năng trí tuệ, kỹ năng xã hội; thứ ba, với tư cách là một người cố vấn, đóng vai trò phát triển tình cảm, giá trị, thái độ, động lực... đối với người học. Trong GDNV, *học* và *tự học* “*học cách học*” là một phẩm chất và nguồn năng lực quan trọng quyết định chất lượng đối với quá trình giáo dục. “*Học*” là trọng tâm trong giáo dục, thay vì “*dạy*”, giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn. Quá trình học và tự học theo tiếp cận nhân văn được đề xuất bao gồm: 1) niềm đam mê trong học tập, 2) học tập có ý nghĩa, 3) học theo sự tự chủ động, và 4) học cách thay đổi (Untari, 2016).

Niềm đam mê trong học tập: Đam mê học tập, ham muốn học hỏi là bản năng tự nhiên và quy luật phát triển của con người.

Học tập có ý nghĩa: Việc học tập sẽ thiết thực và ý nghĩa khi những gì được học là phù hợp với nhu cầu và niềm đam mê của người học. Nói cách khác, người học sẽ học nhanh nếu việc học có ý nghĩa đối với họ.

Học theo sự tự chủ động: Việc học có ý nghĩa nhất là việc học được thực hiện dựa trên sự chủ động. Học theo sự chủ động, sáng kiến của bản thân sẽ giúp người học không những lĩnh hội về kiến thức mà còn phát triển và làm giàu thêm cảm xúc và niềm tin trong học tập và tư duy.

Học cách thay đổi: Thế giới luôn phát triển và “phẳng” hóa, và những gì được học ở trường học chỉ là cơ bản. Ngày nay, khoa học và công nghệ luôn tiến bộ và thay đổi. Mọi người không thể sống và làm việc tốt trong hiện tại và tương lai với kiến thức thu được từ các nghiên cứu trong quá khứ. Điều này đòi hỏi người học cần suy nghĩ, có tâm thế, khả năng học và sự thích nghi cao trong môi trường học tập giáo dục luôn vận động và phát triển.

- ***Giá trị và nguyên tắc***

GDNV được khởi xướng và tập trung vào những giá trị (values) cao đẹp của con người: phẩm giá, tự chủ, tự do, liêm chính, hạnh phúc, công bằng và tiềm năng của người học. Con người thích tự đưa ra quyết định về cuộc sống của họ và các nhà giáo dục phải tin tưởng vào khả năng người học. Theo đó, mục tiêu cuối cùng của GDNV là phát triển các cá nhân năng lực tự thực hiện (Chen & Schmidtke, 2017). Sau đây là những giá trị và nguyên tắc (principle) giúp cho việc học tập mang lại thành công.

Học tập của sinh viên nên được tự định hướng. Sinh viên sẽ có thể chọn những gì họ muốn học. Các nhà nghiên cứu nhân văn tin rằng sinh viên sẽ có động lực để học một môn học nếu đó là điều họ cần và muốn biết.

Trường học nên “sản xuất” những sinh viên muốn và biết cách học. Mục tiêu của giáo dục là thúc đẩy mong muốn học tập của sinh viên và hướng dẫn họ cách học. Sinh viên nên tự động viên trong học tập và học tập để tự học.

Đánh giá có ý nghĩa duy nhất là tự đánh giá. Các nhà GDNV tin rằng điểm số là không liên quan và việc tự đánh giá mới là có ý nghĩa đối với kết quả và thành tích của học tập.

Cảm giác, cũng như kiến thức, rất quan trọng trong quá trình học tập. Các nhà GDNV tin rằng cảm xúc và kiến thức đều quan trọng với quá trình học tập. Không giống như các nhà giáo dục truyền thống, giáo viên nhân văn không tách rời các lĩnh vực nhận thức và tình cảm.

Sinh viên học tốt trong môi trường lành mạnh. Các nhà GDNV nhấn mạnh rằng các trường học cần cung cấp cho sinh viên môi trường học tập lành mạnh, thân thiện để họ cảm thấy an tâm khi theo học. Một khi sinh viên cảm thấy an toàn thì việc học trở nên dễ dàng và có ý nghĩa hơn.

Một môi trường tự do. Sinh viên cần có quyền tự do đi sâu vào bất kì chủ đề nào mà họ mong muốn được đào sâu, nghiên cứu.

Học hỏi kinh nghiệm của nhau. Sinh viên có thiện chí và động lực học tập lẫn nhau khi những gì họ học được có khả năng giúp họ nắm bắt được ý nghĩa về cuộc sống và môi trường xung quanh.

Sự hợp tác. Sinh viên học tốt nhất trong mối quan hệ tương tác tích cực giữa người dạy và người học. Kết quả làm việc chung sẽ được nâng lên khi những gì người học nhận được từ người dạy được coi là hỗ trợ để thúc đẩy học tập và phát triển hơn là sự chỉ trích. (Facultyweb.cortland.edu, 2018; Chen, & Schmidtke, 2017).

2.3. Từ lý thuyết đến thực tiễn

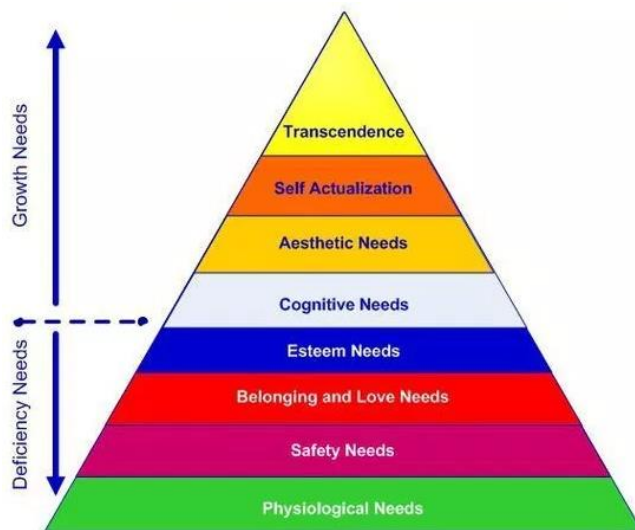
Lý thuyết tiếp cận nhân văn trong giáo dục phát huy tác dụng từ những năm 1902-1930. Nó tiếp tục phát triển nhanh chóng và đạt đến sự giác ngộ vào năm 1970. Một số nghiên cứu cho rằng lý thuyết GDNV ra đời là do kết quả của sự không hài lòng từ hoạt động của các lý thuyết giáo dục trước đây, chẳng hạn các lý thuyết hành vi (behaviorism) và phân tâm học (psychoanalysis) (Maslow, 1943; Untari, 2016). Từ thực tiễn giáo dục Việt Nam, cơ sở lý luận của GDNV là một trong những cách tiếp cận có thể giải quyết một số vấn đề giáo dục hiện nay, như: bạo lực học đường, suy thoái đạo đức, lối sống thực dụng – ít quan tâm và hướng đến cộng đồng...

Nguyên tắc của lý thuyết GDNV, giáo dục là một quá trình được xây dựng thông qua đối thoại liên tục giữa các bên liên quan. Ý nghĩa của việc học được đánh giá thông qua quá trình nhận thức luận (epistemological). Do vậy, việc thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo cần được phát triển bởi những bên liên quan dựa trên nhu cầu của người học và thực tiễn xã hội cần.

Bàn về cách tiếp cận hoặc lý thuyết nhân văn trong giáo dục không thể không nhắc đến *Lý thuyết về thang bậc nhu cầu Maslow*¹ (Maslow's need hierarchy theory). Trong lý thuyết

¹ Abraham Maslow (1908-1970) là Nhà tâm lý học người Mỹ. Ông được thế giới biết đến qua lý thuyết thang bậc nhu cầu và được coi là cha đẻ của tâm lý học nhân văn.

này, nhu cầu nhận thức² (cognitive needs) là một trong tám nhu cầu của con người, nhu cầu này xếp vị trí thứ 5 – là một trong 4 nhu cầu bậc cao (nhu cầu phát triển) của con người. Nội dung của nhu cầu nhận thức là con người cần phải tăng cường trí thông minh (intelligence) và cần được trau dồi, theo đuổi kiến thức để có được sự hiểu biết tốt hơn về thế giới xung quanh. Và càng ngày, con người nhận thấy cần phải khám phá (explore) và mong muốn những trải nghiệm mới (new experiences) (Sơ đồ 2).



Sơ đồ 2. Li thuyết về thang bậc nhu cầu của Maslow

Nguồn: (Maslow, 1943)

Trong lí thuyết này, ông sắp xếp các nhu cầu con người theo một hệ thống trật tự cấp bậc, trong đó, các nhu cầu ở mức độ cao hơn muốn xuất hiện thì các nhu cầu ở mức độ thấp hơn phải được thỏa mãn trước. Lí thuyết này có tầm ảnh hưởng quan trọng, được thừa nhận và vận dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là tâm lí học và giáo dục học. Thời điểm ban đầu (1943), Maslow sắp xếp các nhu cầu con người theo 5 cấp bậc: 1) nhu cầu cơ bản (basic needs) thường được gọi là nhu cầu sinh học; 2) nhu cầu về an toàn (safety needs); 3) nhu cầu về xã hội (social needs); 4) nhu cầu về được quý trọng (esteem needs); 5) nhu cầu được thể hiện mình (self-actualizing needs). Sau đó, vào những năm 1970 và 1990, sự phân cấp này đã được Maslow hiệu chỉnh thành 7 bậc và cuối cùng là 8 bậc: 6) nhu cầu về nhận thức (cognitive needs); 7) nhu cầu về thẩm mỹ (aesthetic needs); 8) sự siêu nghiệm³ (transcendence). Và từ nhu cầu bậc 5 trở lên được xếp vào nhu cầu bậc cao hay nhu cầu phát triển.

² Hoặc trí tuệ.

³ Hoặc tính siêu việt.

3. Kết luận

Nghiên cứu này phát hiện và làm sáng tỏ một số vấn đề lí luận và thực tiễn về GDNV – mở ra một cách tiếp cận mới, toàn diện và hiệu quả cho giáo dục. *Thứ nhất*, tồn tại lâu đời trong lịch sử phát triển tư tưởng ở cả phương Tây và phương Đông, lí thuyết GDNV bắt nguồn từ nhận thức luận của hiện tượng học với mục tiêu vì sự phát triển toàn diện của người học. Từ khi ra đời cho đến nay lí thuyết này được xem là một cách tiếp cận nhân văn và hiệu quả trong hoạt động dạy – học. *Thứ hai*, GDNV đã xác lập, “trao quyền” và kì vọng mạnh mẽ đối với người học trong nỗ lực cần đáp ứng và sở hữu được hệ giá trị của con người. Điều này cũng có nghĩa GDNV lấy con người làm trung tâm và chức năng của người thầy là người hỗ trợ học tập. Các nhà giáo dục là người có nhiệm vụ phát triển khả năng trí tuệ, tình cảm và tâm lí của người học. *Thứ ba*, GDNV là một trong những phương thức và con đường chính nhằm phát triển *nhu cầu nhận thức* của người học – một trong bốn nhu cầu bậc cao của con người. Thông qua giáo dục, mọi người có cơ hội tối đa hóa tiềm năng và sự độc đáo để trở thành những người có đức – tài vẹn toàn, sống có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chen, P., & Schmidtke, C. (2017). Humanistic Elements in the Educational Practice at a United States Sub-Baccalaureate Technical College. *International Journal for Research in Vocational Education and Training (IJRVET)*, 4(2), August 2017, 117-145, DOI: 10.13152/IJRVET.4.2.2
- Facultyweb.cortland.edu (2018). Principles of humanistic education. Retrieved from <http://facultyweb.cortland.edu/andersmd/HUMAN/PRINC.HTML>
- Firdaus, F. A., & Mariyat, A. (2017). Humanistic approach in education according to Paulo Freire. *At-Ta'dib*, 12(2), December 2017, 26-48. Retrieved from <https://ejournal.unida.gontor.ac.id/index.php/tadib/index> e-ISSN: 2503-3514
- K12 Academics (2019). Humanistic Education. Retrieved from <https://www.k12academics.com/alternative-education/humanistic-education>
- Maslow, A. H. (1943). A Theory of Human Motivation. *Psychological Review*, 50(4), Jul 1943, 370-396. Retrieved from <http://dx.doi.org/10.1037/h0054346>
- Untari, L. (2016). An epistemological review on humanistic education theory. *LEKSEMA: Jurnal Bahasa dan Sastra*, 1(1), 59-72. Retrieved from <http://ejournal.iainsurakarta.ac.id/index.php/leksema/index>
- Valett, R. E. (1977). Humanistic Education: Developing the Total Person. Retrieved from <https://eric.ed.gov/?id=ED153921>.

HUMANISTIC EDUCATION: THEORY AND PRACTICE

Nguyen Quang Giai

Thu Dau Mot University, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Quang Giai – Email: nguyenquanggiai@tdmu.edu.vn

Received: May 14, 2020; Revised: September 17, 2020; Accepted: January 26, 2021

ABSTRACT

The article focuses on recent educational theories and practices based on the humanistic approaches. The study used secondary data sources and the author's observations as a lecturer to discuss and clarify some theoretical and practical issues about humanistic education, a new, comprehensive and effective approach in education. In particular, the humanistic education stems from phenomenal consciousness for the comprehensive development of learners; considers learners to be centered- being "empowered" and "expected"; and promotes human values system. This is one vital approach to develop the learners' needs of cognitive development - one of the four higher order demands based on Maslow's Hierarchy.

Keywords: comprehensive development for learners; human; humanistic education